

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 155/2024/DS-PT
Ngày: 18-3-2024
V/v tranh chấp: “Thừa kế theo di
chức và theo pháp luật”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Tâm

Bà Nguyễn Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thắm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 18 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Chia di sản thừa kế theo di chúc và theo quy định pháp luật”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 197/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 872/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Vĩnh Q, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Số C, tổ A, ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: B Hồ N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Hoàng A, thuộc Văn phòng L4, đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Khu Vực 4, Phường 4, thành phố V, Hậu Giang

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Lê Thị P, sinh năm 1966 (chết năm 2019)

Những người thừa kế của bà Lê Thị P:

3.1 Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Khu V, Phường D, thành phố V, Hậu Giang

3.2 Anh Nguyễn Phú H1, sinh năm 1989 (vắng mặt).

3.3 Anh Nguyễn Phú L, sinh năm 1992 (vắng mặt).

3.4 Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị M1, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Ông Lê Phước L1, sinh năm 1969 (vắng mặt).

5. Ông Lê Phước L2, sinh năm 1972 (đã chết năm 2005).

Những người thừa kế của ông Lê Phước L2:

5.1 Anh Lê Vĩnh Q, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Số C, tổ A, ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5.2 Chị Lê Thị K, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Lê Vĩnh Q; Bị đơn Lê Thị T, Lê Thị H3, Nguyễn Văn S; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn anh Lê Vĩnh Q trình bày:

Ông nội anh Q là cụ Lê Văn H4, sinh năm 1934 (chết ngày 30/9/2016), lúc còn sống có tạo lập thửa đất số 160, tờ bản đồ số 06, diện tích 12.510,9m² do UBND huyện C cấp ngày 17/11/2014 cho cụ Lê Văn H4 đứng tên, lúc còn sống do cha anh Quới là Lê Phước L2 đứng tên quyền sử dụng đất, sau khi cha anh chết ông nội sợ mẹ anh Q bán đi rồi không lo cho anh em nên đã tranh chấp với mẹ anh Q và được đứng tên phần đất này.

Cụ H4 có vợ là cụ Lê Thị H5 và có 08 người con là Lê Thị M1, Lê Thị T1, Lê Thị H, Lê Thị T, Lê Thị P, Lê Thị H2, Lê Phước L1, Lê Phước L2, trong đó có 02 người con đã mất là Lê Phước L2 (chết trước) và Lê Thị P (chết sau). Ngoài ra, cụ H4 và cụ H5 không có con ngoài giá thú.

Trong thời gian sinh sống tại ấp D, xã A cụ H5 không có ai chăm sóc nuôi dưỡng, bệnh tật không có người con nào lo, nên anh Q có báo với chính quyền địa phương để cho anh được phụng dưỡng cụ H5. Do cụ H5 muốn để lại tài sản cho anh Q, nên ngày 05/10/2020 cụ H5 đến Trung tâm giám định y khoa thuộc Sở Y tế tỉnh V để khám sức khỏe, theo giấy khám sức khỏe số 270/GKSK-GĐYK ngày 05/10/2020 của Trung tâm giám định y khoa đã kết luận cụ Lê Thị H5 đủ sức khỏe để lập di chúc, nên cụ H5 nhờ người đánh máy di chúc và ký tên vào di chúc ngày 09/10/2020 có 02 người làm chứng là Thái Dư P1 và Phan Thị Thanh L3. Tuy nhiên, sau khi cụ H5 chết thì bà Lê Thị T, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H2 và những người thừa kế của bà Lê Thị P gồm ông Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Phú H1, anh Nguyễn Phú L và chị Nguyễn Thị Kim D không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

Do đó, nay anh Q yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

+ Công nhận di chúc do cụ Lê Thị H5 lập ngày 09/10/2020 là hợp pháp.

+ Phân chia di sản thừa kế theo di chúc của H5 lập cụ thể phần diện tích $\frac{1}{2}$ tài sản chung vợ chồng 6.255,45m² + 695m² phần được hưởng thừa kế theo quy định pháp luật của cụ H4 tổng cộng = 6.950,45m² và anh Q được nhận phần thừa kế theo pháp luật của bà Lê Thị M1, bà Lê Thị T1, ông Lê Phước L1 và toàn bộ phần thừa kế ông Lê Phước L2 có phần của chị Lê Thị K là 2.780m². Tổng cộng anh Q yêu cầu chia 9.730,9m² trong thửa đất số 160, tờ bản đồ số 06, diện tích 12.510,9m² do UBND huyện C cấp ngày 17/11/2014 cho cụ Lê Văn H4 đứng tên cùng với toàn bộ cây trồng trên đất.

+ Chia phần thừa kế theo quy định pháp luật cho bà Lê Thị H, bà Lê Thị T, bà Lê Thị H2 và những người thừa kế của bà Lê Thị P gồm ông Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Phú H1, anh Nguyễn Phú L và chị Nguyễn Thị Kim D mỗi người diện tích 695m² trong thửa đất số 160, tờ bản đồ số 06, diện tích 12.510,9m² do UBND huyện C cấp ngày 17/11/2014 cho cụ Lê Văn H4 đứng tên cùng với toàn bộ cây trồng trên đất.

Bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà T xác định di chúc cụ Lê Thị H5 lập ngày 09/10/2020 là không hợp pháp, vì cụ H5 không có biết chữ nên không có ký tên trong di chúc này. Anh Q cố tình nói sai sự thật, xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà T và các anh chị em ruột của

bà, khi cụ H5 bị bệnh anh Q lấy toàn bộ giấy tờ đất rồi lên đưa cụ H5 đi cùng không được gia đình đồng ý để dựng làm tờ di chúc, anh Q còn cố tình cạy tủ nhà lấy toàn bộ tài sản và giấy tờ khác, do nghĩ tình cô cháu nên không trình báo chính quyền địa phương. Nay bà T yêu cầu huỷ di chúc do cụ H5 lập ngày 09/10/2020 do di chúc này không hợp pháp tại thời điểm lập di chúc cụ H5 bệnh có giấy ra viện của Trung tâm y tế huyện C ngày 06/5/2020 chuẩn đoán bệnh: S01, vết thương hở ở đầu, chấn thương đầu nên tinh thần cụ H5 không minh mẫn, không đủ sức khoẻ để lập di chúc, nên bà T yêu cầu chia phần đất cụ H4 để lại 12.510,9m² chia đều theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà H thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của bà T. Nay bà H yêu cầu huỷ di chúc do cụ H5 lập ngày 09/10/2020 do di chúc này không hợp pháp tại thời điểm lập di chúc cụ H5 bệnh có giấy ra viện của Trung tâm y tế huyện C ngày 06/5/2020 chuẩn đoán bệnh: S01, vết thương hở ở đầu, chấn thương đầu nên tinh thần cụ H5 không minh mẫn, không đủ sức khoẻ để lập di chúc, nên bà H yêu cầu chia phần đất cụ H4 để lại 12.510,9m² chia đều theo quy định pháp luật.

Những người thừa kế bà Lê Thị P gồm ông Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Phú H1, anh Nguyễn Phú L và chị Nguyễn Thị Kim D, có bà T đại diện uỷ quyền của ông S và chị D trình bày:

Những người thừa kế bà Lê Thị P gồm ông Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Phú H1, anh Nguyễn Phú L và chị Nguyễn Thị Kim D thống nhất ý kiến trình bày của bà T. Nay những người thừa kế của bà P yêu cầu huỷ di chúc do cụ H5 lập ngày 09/10/2020 do di chúc này không hợp pháp tại thời điểm lập di chúc cụ H5 bệnh có giấy ra viện của Trung tâm y tế huyện C ngày 06/5/2020 chuẩn đoán bệnh: S01, vết thương hở ở đầu, chấn thương đầu nên tinh thần cụ H5 không minh mẫn, không đủ sức khoẻ để lập di chúc, nên ông Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Phú H1, anh Nguyễn Phú L và chị Nguyễn Thị Kim D yêu cầu chia phần đất cụ H4 để lại 12.510,9m² chia đều theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H2 trình bày:

Bà H2 thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của bà T. Nay bà H2 yêu cầu huỷ di chúc do cụ H5 lập ngày 09/10/2020 do di chúc này không hợp pháp tại thời điểm lập di chúc cụ H5 bệnh có giấy ra viện của Trung tâm y tế huyện C ngày 06/5/2020 chuẩn đoán bệnh: S01, vết thương hở ở đầu, chấn thương đầu nên tinh thần cụ H5 không minh mẫn, không đủ sức khoẻ để lập di chúc, nên bà H2 yêu cầu chia phần đất cụ H4 để lại 12.510,9m² chia đều theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước L1, bà Lê Thị T1, bà Lê Thị M1, chị Lê Thị K trình bày:

Ông L1, bà T1, bà M1 là người thừa kế thứ nhất của cụ H4 và cụ H5; còn chị K là người thừa kế thế vị của ông Lê Phước L2 thống nhất về di sản thừa kế và di chúc của cụ H5 lập ngày 09/10/2020, nên phần thừa kế của ông L1, bà T1, bà M1 mỗi người là 695,05m², còn phần thừa kế của chị K là 347,53m². Nay ông L1, bà

T1, bà M1 và chị K từ chối nhận di sản thừa kế được hưởng và đồng ý nhường quyền hưởng thừa kế phần của mình cho anh Lê Vĩnh Q.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 197/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 620, 624, 627, 630, 631, 634, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự; Điều 227, 228, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Vĩnh Q.

Công nhận di chúc của cụ Lê Thị H5 lập ngày 09/10/2020 là hợp pháp.

- Chia cho anh Lê Vĩnh Q diện tích đất 9.730,45m² và giao 04 kỷ phần là quyền sử dụng đất của bà T, bà H, bà H2 và những người thừa kế bà P diện tích 2.780m², nên chia và giao toàn bộ cho anh Q thửa đất số 160, tờ bản đồ số 06, diện tích 12.510,9m² tọa lạc tại ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp giấy ngày 17/11/2014 cho cụ Lê Văn H4 đứng tên (kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 25/5/2022 của Công ty TNHH Đ) có tứ cận như sau :

+ Hướng đông giáp đất Nguyễn Thị H6.

+ Hướng tây giáp rạch địa phèn.

+ Hướng nam giáp đất Lê Văn T2, Nguyễn Văn N và rạch địa phèn.

+ Hướng bắc giáp đất Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thị H7, Nguyễn Hữu T4.

- Ghi nhận sự tự nguyện anh Lê Vĩnh Q chia cho bà Lê Thị H, Lê Thị T, Lê Thị H2, những người thừa kế bà P gồm Nguyễn Văn S, Nguyễn Phú H1, Nguyễn Phú L và Nguyễn Thị Kim D mỗi kỷ phần diện tích đất 695m², nhưng buộc anh Lê Vĩnh Q chia giao cho mỗi kỷ phần với số tiền 312.750.000 đồng (Ba trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng):

+ Buộc anh Lê Vĩnh Q có nghĩa vụ chia và giao cho bà Lê Thị T số tiền 312.750.000 đồng (Ba trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Buộc anh Lê Vĩnh Q có nghĩa vụ chia và giao cho bà Lê Thị H số tiền 312.750.000 đồng (Ba trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Buộc anh Lê Vĩnh Q có nghĩa vụ chia và giao cho bà Lê Thị H2 số tiền 312.750.000 đồng (Ba trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Buộc anh Lê Vĩnh Q có nghĩa vụ chia và giao cho những người thừa kế bà P gồm Nguyễn Văn S, Nguyễn Phú H1, Nguyễn Phú L, Nguyễn Thị Kim D số tiền 312.750.000 đồng (Ba trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Sau khi anh Lê Vĩnh Q chia và giao số tiền cho mỗi kỷ phần 312.750.000 đồng cho bà Lê Thị H, Lê Thị T, Lê Thị H2, những người thừa kế bà P gồm Nguyễn Văn S, Nguyễn Phú H1, Nguyễn Phú L, Nguyễn Thị Kim D xong, thì anh Q được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 160, tờ bản đồ số 06, diện tích

12.510,9m² tọa lạc tại ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp giấy ngày 17/11/2014 theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Vĩnh Q về việc yêu cầu chia cho bà Lê Thị H, Lê Thị T, Lê Thị H2, những người thừa kế bà P gồm Nguyễn Văn S, Nguyễn Phú H1, Nguyễn Phú L, Nguyễn Thị Kim D mỗi kỹ phần là quyền sử dụng đất 695m² trong thửa số 160, tờ bản đồ số 06, diện tích 12.510,9m² tọa lạc tại ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp ngày 17/11/2014 cho cụ Lê Văn H4 đứng tên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/9/2023, nguyên đơn Lê Vĩnh Q có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho bị đơn bằng quyền sử dụng đất.

Ngày 18/9/2023 bị đơn bà Lê Thị T, có đơn kháng cáo; ngày 21/9/2023 bị đơn Lê Thị H, bà Lê Thị H2 có đơn kháng cáo; ngày 22/9/2023 ông Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo, các ông bà có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án giải quyết: Bản di chúc có dấu hiệu giả mạo chữ ký, thời gian xác lập di chúc không phù hợp với tình trạng sức khỏe của cụ H5; Di sản thừa kế chưa được xác lập theo quy định pháp luật, Tòa án đã phân chia tài sản là trái quy định pháp luật, trái luân thường đạo lý, đạo đức xã hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Lê Vĩnh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả giá trị kỹ phần cho các đồng thừa kế của cụ H5, cụ H4 vì anh có thu nhập thấp, không có khả năng hoàn trả giá trị, yêu cầu chia thừa kế bằng đất cho các bà T, bà H, bà H2, những người thừa kế của bà P. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị T, ông S, bà Lê Thị H có thay đổi yêu cầu kháng cáo, đồng ý chia thừa kế theo như án sơ thẩm đã tuyên, yêu cầu được chia bằng giá trị vì diện tích được chia nhỏ khó khăn trong việc canh tác và các ông bà không có nhu cầu canh tác sử dụng. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Q trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không chia thừa kế bằng hiện vật là không đúng quy định vì đất này phân chia bằng hiện vật được, số tiền mà anh Q hoàn lại cho các bị đơn là quá lớn, anh Q không có khả năng trả số tiền này. Nếu anh Q không có khả năng chi trả thì phải tiến hành kê biên bán đấu giá để thi hành án nên như vậy rất tốn kém. Giá trị quyền sử dụng đất của tòa án cấp sơ thẩm định giá là quá cao, đất này không có lối đi vào. Theo quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa ở nông thôn là 500m², trong khi đó mỗi kỹ phần thừa kế được chia với diện tích 695m² là phù hợp với quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh T về diện tích tối thiểu được phép tách thửa. Bị đơn không có gì mới chứng minh là di chúc giả mạo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Q, sửa án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm

phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu kháng cáo của bà T, bà H, ông S là không có căn cứ vì các ông bà không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Xét yêu cầu kháng cáo của anh Q là có căn cứ vì diện tích thửa đất số 160, tờ bản đồ số 06, diện tích 12.510,9m² nên có thể chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế của cụ H4. Bà H2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, xem như bà H2 từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Vĩnh Q, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà H2.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời trình bày của các đương sự, Luật sư và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn kháng cáo của anh Lê Vĩnh Q, bà Lê Thị T, Lê Thị H2, Lê Thị H và ông Nguyễn Văn S nộp trong thời hạn, đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Chia di sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật” theo quy định tại Điều 624, 649 Bộ luật Dân sự 2015 là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H2 có đơn kháng cáo, Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai đối với bà H2 nhưng bà H2 vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị H2.

[2] Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định: Cụ Lê Văn H4 và cụ bà Lê Thị H5 chung sống có 08 người con gồm: Lê Thị M1, Lê Thị T1, Lê Thị H, Lê Thị T, Lê Thị P, Lê Thị H2, Lê Phước L1 và Lê Phước L2. Quá trình chung sống hai cụ tạo lập được phần đất thừa số 160, tờ bản đồ 06, diện tích 12.510m² tại ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Cụ Lê Văn H4 (chết ngày 30/9/2016) cụ H4 không lập di chúc để lại tài sản cho ai, toàn bộ tài sản do cụ H5 quản lý. Ngày 09/10/2020 cụ H5 lập di chúc để lại ½ tài sản diện tích 6.255,45m² và phần thừa kế 1/9 diện tích 695m² cho anh Q, di chúc có chữ ký của cụ H5 và hai người làm chứng. Khi lập di chúc cụ H5 tinh thần minh mẫn, sáng suốt không bị ai ép buộc, đe dọa.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế là phần đất thừa 160, diện tích 12.510m², tờ bản đồ 06, tại ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang và công nhận di chúc lập ngày 09/10/2020 hợp pháp là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bà Lê Thị T, bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn S, không công nhận di chúc lập ngày 09/10/2020 là hợp pháp, nhận thấy;

Các bên đương sự thống nhất nguồn gốc thửa đất số 160, tờ bản đồ 06, tại ấp D xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc của cụ Lê Văn H4, cụ Lê Thị H5 tạo lập trong quá trình chung sống. Cụ H4 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01628 ngày 17/11/2014 nên xác định di sản thừa kế là diện tích 12.510,45m², thửa đất số 160. Cụ H4 chết không lập di chúc, cụ H5 có lập di chúc để lại ½ diện tích thửa 160 và 1/9 kỷ phần của cụ H5 được hưởng cho anh Q nhưng các bị đơn không thừa nhận di chúc lập ngày 09/10/2020 của cụ H5 hợp pháp và cho rằng di chúc bị giả mạo vì cụ H5 không biết chữ.

Xét thấy: Căn cứ kết luận giám định số 1315/KL-KTHS ngày 06/4/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ ký “Hiếu” và chữ viết họ tên “Lê Thị H5” so với các mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra; Tại kết luận giám định số 327/KL-KTHS ngày 15/12/2022 của V kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên “Lê Thị H5” dưới mục người lập di chúc so với các mẫu so sánh cùng một người ký và viết ra. Như vậy, có căn cứ xác định chữ ký và chữ viết Lê Thị H5 trong di chúc là do cụ H5 ký và viết nên lời trình bày của bị đơn cho rằng di chúc bị giả mạo là không có căn cứ.

Xét di chúc lập ngày 09/10/2020 của cụ H5 có 02 người làm chứng là ông Thái Dư P1, bà Phan Thị Thanh L3 xác nhận nên về hình thức di chúc được lập theo đúng quy định về di chúc bằng văn bản có người làm chứng theo quy định tại Điều 634 Bộ luật Dân sự năm 2015. Những người làm chứng ông Thái Dư P1, bà Phan Thị Thanh L3 đủ điều kiện để làm chứng cho việc lập di chúc của cụ H5 theo quy định tại Điều 632 Bộ luật Dân sự năm 2015, người làm chứng ông P1, bà L3 xác nhận thời điểm lập di chúc cụ H5 còn minh mẫn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận di chúc của cụ H5 lập ngày 09/10/2020 hợp pháp là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của anh Lê Vĩnh Q yêu cầu chia thừa kế cho các bị đơn bằng quyền sử dụng đất vì anh không có khả năng hoàn trả giá trị cho các bị đơn.

Xét thấy: Anh Q được chia thừa kế theo di chúc của cụ Lê Thị H5 là ½ diện tích thửa đất số 160 có diện tích là 6.255,45m² và phần thừa kế 1/9 của cụ H5 được hưởng có diện tích 695m² đất, tổng cộng anh Q được hưởng diện tích 6.950,45m². Còn lại 08 kỷ phần chia thừa kế theo pháp luật diện tích 5.560m² thì bà Lê Thị M1, bà Lê Thị T1, Lê Phước L1 và Lê Thị K (con ông Lê Phước L2) giao cho anh Q diện tích 2.780m². Còn 04 kỷ phần của bà Lê Thị H, Lê Thị T, Lê Thị H2 và những người thừa kế của bà P mỗi kỷ phần là 695m².

Xét Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “nếu chia hiện vật thì phần diện tích mỗi người chỉ 695m² diện tích nhỏ, khó quản lý sau này...”. Án sơ thẩm giao cho anh Q toàn bộ thửa 160, diện tích 12.510,45m² và anh Q hoàn giá trị cho bà Lê Thị H,

Lê Thị T, Lê Thị H2 và những người thừa kế của bà P mỗi người số tiền 312.750.000 đồng là chưa phù hợp vì:

Căn cứ Phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 15/01/2024 của Công ty TNHH Đ và biên bản thẩm định ngày 11/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thì thửa đất số 160 có diện tích 12.510m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Thửa đất số 160 có diện tích lớn nên có thể chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế mỗi người diện tích 695m² không ảnh hưởng đến diện tích còn lại trong việc sử dụng, canh tác đất. Đồng thời diện tích đất được chia cho các bị đơn đủ điều kiện để được tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh T. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của anh Q chia thừa kế bằng quyền sử dụng đất cho những người thuộc hàng thừa kế của cụ H5 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Q là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà T, bà H, ông S là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Lê Vĩnh Q và đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự bà H, ông S, bà T không phải chịu án phí phúc thẩm, sung công quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Lê Thị H2 đã tạm nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 289, Điều 295 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị H2.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Vĩnh Q. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T, Lê Thị H, ông Nguyễn Văn S. Sửa bản án sơ thẩm số 197/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ Điều 620, 624, 627, 630, 631, 634, 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự; Điều 227, 228, 271, 272, 273, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Vĩnh Q.

1. Công nhận di chúc của cụ Lê Thị H5 lập ngày 09/10/2020 là hợp pháp.

Chia cho anh Lê Vĩnh Q diện tích 9.730m² thuộc một phần thửa 160, tờ bản đồ 6, diện tích 12.510,9m², tại ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01628 ngày 17/11/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Lê Văn H4, theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 11/01/2024 của công ty TNHH Đ. Ký hiệu (T-1) (Có sơ đồ kèm theo).

Chia cho bà Lê Thị H2, một kỷ phần là quyền sử dụng đất diện tích 695m², thuộc một phần thửa 160, tờ bản đồ số 6, diện tích 12.510,9m² tại ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01628 ngày 17/11/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Lê Văn H4, theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 11/01/2024 của công ty TNHH Đ. Ký hiệu T-2 (Có sơ đồ kèm theo)

Chia cho những người thừa kế của bà Lê Thị P gồm ông Nguyễn Văn S, Nguyễn Phú H1, Nguyễn Phú L, Nguyễn Thị Kim D một kỷ phần là quyền sử dụng đất diện tích 695m², thuộc một phần thửa 160, tờ bản đồ số 6, diện tích 12.510,9m² tại ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01628 ngày 17/11/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Lê Văn H4, theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 11/01/2024 của công ty TNHH Đ. Ký hiệu T-3 (Có sơ đồ kèm theo).

Chia cho bà Lê Thị T một kỷ phần là quyền sử dụng đất diện tích 695m², thuộc một phần thửa 160, tờ bản đồ số 6, diện tích 12.510,9m² tại ấp D, xã A, huyện C, Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01628 ngày 17/11/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Lê Văn H4, theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 11/01/2024 của công ty TNHH Đ. Ký hiệu T-4 (Có sơ đồ kèm theo).

Chia cho bà Lê Thị H một kỷ phần là quyền sử dụng đất diện tích 695m², thuộc một phần thửa 160, tờ bản đồ số 6, diện tích 12.510,9m² tại ấp D, xã A, huyện C, Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01628 ngày 17/11/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Lê Văn H4, theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 11/01/2024 của công ty TNHH Đ. Ký hiệu T-5 (Có sơ đồ kèm theo).

2. Anh Lê Vĩnh Q, bà Lê Thị T, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H2 và những người thừa kế của bà P gồm Nguyễn Văn S, Nguyễn Phú H1, Nguyễn Phú L, Nguyễn Thị Kim D được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký đất đai theo quy định tại Điều 95 Luật đất đai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Anh Lê Vĩnh Q không phải chịu án phí phúc thẩm. Anh Lê Vĩnh Q phải chịu 38.272.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Q đã tạm nộp 28.500.000 đồng theo biên lai thu số 0000679 ngày 11/5/2021 và 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012810 ngày 08/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, cần trừ nên anh Q còn phải nộp tiếp số tiền 9.472.000 đồng án phí sơ thẩm.

Bà Lê Thị T, bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí phúc thẩm, bà T và bà H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà T, bà H, ông S được hoàn lại mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012825 ngày 18/9/2023, biên lai số 0012828 ngày 21/9/2023 và biên lai thu số 0012829 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Sung công quỹ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Lê Thị H2 đã nộp theo biên lai thu số 0012827 ngày 21/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Nguyễn Văn S, Nguyễn Phú H1, Nguyễn Phú L, Nguyễn Thị Kim D phải chịu 15.637.000 đồng án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 14 giờ 00 phút, ngày 18/3/2024 có mặt bà T, đại diện Viện kiểm sát, vắng mặt bà H, chị M1, anh Q, Luật sư A./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp Thúy